

# Les noms d'animaux en vietnamien

## 20 noms d'animaux courants en vietnamien

chien	con chó
vache	con bò
cochon	con lợn
chat (animal)	con mèo
mouton	con cừu
cheval	con ngựa
singe	con khỉ
ours	con gấu
poisson (animal)	con cá
lion	con sư tử
tigre	con hổ
éléphant	con voi
souris (animal)	con chuột
pigeon	con chim bồ câu
escargot	con ốc sên
araignée	con nhện
grenouille	con ếch
serpent	con rắn
crocodile	con cá sấu
tortue	con rùa cạn



[www.flashcardo.com/fr/fiches-de-revision-en-vietnamien/](http://www.flashcardo.com/fr/fiches-de-revision-en-vietnamien/)

## Les mots liés aux animaux en vietnamien

animal	động vật
mammifère	động vật có vú
oiseau	con chim
insecte	côn trùng
reptile	bò sát
zoo	vườn bách thú
vétérinaire	bác sĩ thú y
ferme	nông trại
forêt	rừng
rivière	con sông
lac	hồ
désert	sa mạc



[www.pinhok.com/fr/apprendre-le-vietnamien/](http://www.pinhok.com/fr/apprendre-le-vietnamien/)

## Les mammifères en vietnamien

panda	con gấu trúc
girafe	con hươu cao cổ
chameau	con lạc đà
loup	con chó sói
zèbre	con ngựa vằn

ours polaire	con gấu Bắc cực
kangourou	con chuột túi
rhinocéros	con tê giác
léopard	con báo hoa mai
guépard	con báo săn
âne	con lừa
écureuil	con sóc
chauve-souris	con dơi
renard	con cáo
hérisson	con nhím
loutre	con rái cá



[www.pinhok.com/fr/apprendre-le-vietnamien/](http://www.pinhok.com/fr/apprendre-le-vietnamien/)

## Les oiseaux en vietnamien

canard	con vịt
poule	con gà
oie	con ngỗng
hibou	con cú
cygne	con thiên nga
manchot	con chim cánh cụt
autruche	con đà điểu

corbeau	con quạ
pélican	con bồ nông
flamant rose	con hồng hạc

## Les insectes en vietnamien

mouche	con ruồi
papillon	con bướm
abeille	con ong
moustique	con muỗi
fourmi	con kiến
libellule	con chuồn chuồn
sauterelle	con châu chấu
chenille	con sâu bướm
termite	con mối
coccinelle	con bọ rùa

## Les animaux marins en vietnamien

baleine	con cá voi
requin	con cá mập
dauphin	con cá heo
phoque	con hải cẩu
méduse	con sứa
pieuvre	con bạch tuộc
tortue marine	con rùa
étoile de mer	con sao biển
crabe	con cua

